TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hồng Tư
2. Ông Phạm Văn Sáu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 242/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1988. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã I, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2020, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn, chị A trình bày: Chị và anh B xây dựng hôn nhân năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển 03, ngày 20/11/2008. Vợ chồng chị chung sống có hai con chung tên C, sinh ngày 17/4/2009 và D, sinh ngày 12/5/2014, hiện nay đang sống chung với chị. Vợ chồng chị chung sống không tạo lập được tài sản chung cũng không thiếu nợ ai, không vay tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức tín dụng và ngân hàng nào, cũng không ai thiếu tiền hay tài sản của vợ chồng chị.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tuy là vợ chồng nhưng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, anh B không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, bạo lực gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu tháng 4/2017 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B, không yêu cầu đoàn tụ; yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và D, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh B để tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh B không đến Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên không ghi nhận được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của chị chị A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A ly hôn với anh B. Giao con cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị A yêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với anh B, hiện nay anh B cư trú tại ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị A và anh B xây dựng hôn nhân năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển 03, ngày 20/11/2008 nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tuy là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh B không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, bạo lực gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu tháng 4/2017 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị A cương quyết được ly hôn với anh B. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ lẫn chồng, cùng nhau chăm sóc, yêu thương nhau nhưng ở đây chị A và anh B đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc khác, chị A và anh B đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay và không có biện pháp gì để hàn gắn. Tại biên bản xác minh ngày 29/01/2021, ông L - trưởng ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu xác định, chị A và anh B đã sống ly thân khoảng 3 năm nay, nguyên nhân ly thân là do mâu thuẫn về tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A và anh B.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị A và anh B có hai con chung tên C, sinh ngày 17/4/2009 và D, sinh ngày 12/5/2014, hiện nay đang sống chung với chị A. Chị A yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu C và D đang sống ổn định với chị A, các cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Mặc khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 06/01/2021, cháu C có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị A. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần tiếp tục giao cháu C, sinh ngày 17/4/2009 và D, sinh ngày 12/5/2014 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con

nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định vợ chồng chị chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu C, sinh ngày 17/4/2009 và D, sinh ngày 12/5/2014 cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu C và D đang sống chung với chị A nên chị A được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C và D.

Về cấp dưỡng: Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**.**

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008417 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nên được chuyển thu án phí.

Chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện V;
- CC THADS huyện V
- UBND xã H, huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến